

Số: 24 / NQ-ĐHĐCĐ

Hà Nội, ngày 27 tháng 4 năm 2021

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC SẠCH SỐ 2 HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội ngày 27 tháng 4 năm 2021;

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1: Thông qua toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội đã được bổ sung, sửa đổi chi tiết ngành nghề kinh doanh và sửa đổi, bổ sung các nội dung khác theo quy định Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Điều lệ mẫu tại Phụ lục I Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính (văn bản kèm theo).

Điều 2: Thông qua toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội theo quy định Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính (văn bản kèm theo).

Điều 3: Thông qua Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021.

Điều 4: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2020, định hướng hoạt động năm 2021.

Điều 5: Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 và Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán.

Điều 6: Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2021

6.1. Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 với các nội dung:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tăng trưởng
1	Tổng lượng cấp vào mạng	m ³	50.005.753	52.400.960	4,79%
1.1	Sản lượng nước tự sản xuất	m ³	15.014.431	13.741.660	-8,48%
1.2	Sản lượng nước mua	m ³	34.991.322	38.659.300	10,48%

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Tăng trưởng
2	Sản lượng nước thu được tiền	m3	45.948.191	47.964.316	4,39%
3	Doanh thu tiền nước (bao gồm thuế, phí ...)	đồng	468.162.118.089	476.786.258.533	1,84%
4	Tổng doanh thu thuần	đồng	452.557.474.866	472.630.741.566	4,44%
4.1	Doanh thu kinh doanh sản xuất, cấp nước	"	413.092.925.143	431.439.832.475	4,44%
4.2	Doanh thu xây lắp và thiết kế, tài chính, khác	"	39.464.549.723	41.190.909.091	4,37%
5	Tổng chi phí	đồng	435.818.974.207	455.526.448.283	4,52%
5.1	Chi phí kinh doanh sản xuất, cấp nước	"	404.269.575.246	419.623.181.509	3,80%
5.2	Chi phí hoạt động thiết kế xây lắp và khác	"	31.549.398.961	35.903.266.774	13,80%
6	Lợi nhuận trước thuế	đồng	16.738.500.659	17.104.293.283	2,19%
7	Lợi nhuận sau thuế	đồng	13.367.613.446	13.683.400.000	2,36%
8	Lãi cơ bản/1 cổ phiếu (EPS)	đồng	117,67	120,45	2,36%
8.1	Chưa trích lập các quỹ	"	235,35	240,90	2,36%
8.2	Đã trích lập các quỹ	"	117,67	120,45	2,36%

01001
CÔNG
CỔ P
NƯỚC
SỐ 2 H
V. BIÊN

6.2. Kế hoạch đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản, củng cố cơ sở vật chất 2021:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Ghi chú
I	Đầu tư xây dựng công trình cấp nước	Tr. đồng	196.671	
1	Dự án chuyển tiếp	Tr. đồng	92.146	
2	Dự án mới 2021	Tr. đồng	104.525	
II	Mua sắm tài sản, máy móc thiết bị	Tr. đồng	1.000	
III	Cải tạo sửa chữa, củng cố cơ sở vật chất	Tr. đồng	23.805	
	Tổng cộng	Tr. đồng	221.476	

Điều 7: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021

7.1. Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền
-----	----------	-----	---------

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền
1	Tổng doanh thu	Đồng	452.557.474.866
2	Tổng chi phí	Đồng	435.818.974.207
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	16.738.500.659
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	3.370.887.213
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	Đồng	13.367.613.446
6	Trích lập các quỹ:	Đồng	6.722.013.446
	- Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	0
	- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	Đồng	6.722.013.446
7	Chi trả cổ tức (1,17 % vốn điều lệ)	Đồng	6.645.600.000
8	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	Đồng	0

7.2. Thông qua kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021:

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đồng	13.683.400.000
	- Lợi nhuận sau thuế năm nay	Đồng	13.683.400.000
	- Lợi nhuận sau thuế năm trước	Đồng	0
2	Trích lập các quỹ	Đồng	6.867.400.000
	- Quỹ đầu tư phát triển	Đồng	0
	- Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	Đồng	6.867.400.000
3	Chi trả cổ tức (1,2 % vốn điều lệ)	Đồng	6.816.000.000
4	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	Đồng	0

Điều 8: Thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội trên nguyên tắc đảm bảo chất lượng dịch vụ và giá cả cạnh tranh.

Điều 9: Thông qua mức thù lao thành viên Hội đồng quản trị và tiền lương, thù lao, chi phí hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021 như sau:

- Thù lao thành viên Hội đồng quản trị
 - + Thành viên HĐQT: 5.400.000 đồng/ người/ tháng
- Tiền lương, thù lao, chi phí hoạt động của Ban kiểm soát
 - + Tiền lương Trưởng ban kiểm soát: 33.364.766 đồng/ người/ tháng
 - + Thù lao Thành viên Ban Kiểm soát: 2.700.000 đồng/ người/ tháng
 - + Chi phí hoạt động Ban kiểm soát: 392.422.808 đồng



- Phương thức trả thù lao cho thành viên Hội đồng quản trị; tiền lương, thù lao Ban kiểm soát: thực hiện tạm thanh toán 80% theo quý và quyết toán khi kết thúc năm tài chính.
- Chi phí hoạt động của Ban kiểm soát: căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty và hoạt động thực tế của Ban kiểm soát để thực hiện.

Điều 10: Điều khoản thi hành

Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua toàn văn tại Đại hội.


Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 27 tháng 4 năm 2021.

Các Ông (Bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 10;
- BTC (để b/c);
- Lưu TC-HC./.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT



[Handwritten signature]

Đương Quốc Tuấn